

ĐỀ CHÍNH THỨC

BẢN CHÍNH

Câu I (3,0 điểm): Dựa vào bảng số liệu sau:

Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng của nước ta năm 2012

Các vùng	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số năm 2012 (%)
Cả nước	0,99
Trung du và miền núi Bắc Bộ	
- Tây Bắc	1,52
- Đông Bắc	1,12
Đồng bằng sông Hồng	0,88
Bắc Trung Bộ	1,05
Duyên hải Nam Trung Bộ	1,09
Tây Nguyên	1,13
Đông Nam Bộ	0,89
Đồng bằng sông Cửu Long	0,89

Nguồn: Tổng cục thống kê (www.gso.gov.vn)

Hãy nhận xét và giải thích về tình hình gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng nước ta năm 2012 ?

Câu II (3,0 điểm): Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a) Trình bày những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển ngành thủy sản ở nước ta ?

b) Kể tên các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác thủy sản ở nước ta ?

Câu III (4,0 điểm): Dựa vào bảng số liệu sau:

Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng (đơn vị: %)

Tiêu chí \ Năm	1995	2000	2005	2011
Dân số	100	105,6	117,6	124,1
Sản lượng lương thực	100	128,6	126,5	138,8
Bình quân lương thực theo đầu người	100	121,8	111,3	115,7

Nguồn: Tổng cục thống kê (www.gso.gov.vn)

a) Hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995 – 2011 ?

b) Nhận xét về tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn trên ?

HẾT

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành.

Giám thị không giải thích gì thêm

BẢN CHÍNH

**ĐÁP ÁN
ĐỀ CHÍNH THỨC**

Câu	Nội dung	Điểm
1	Nhận xét và giải thích về tình hình gia tăng tự nhiên của dân số ở các vùng của nước ta năm 2012	3,0
	<p>* Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta có sự chênh lệch giữa các vùng 0,5 - Tỷ lệ gia tăng tự nhiên cao nhất là khu vực Tây Bắc và vùng Tây Nguyên (dẫn chứng) 0,5 - Ngoài ra vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và khu vực Đông Bắc cũng có tỷ lệ gia tăng tự nhiên cao hơn trung bình cả nước (dẫn chứng) 0,5 - Các vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ gia tăng tự nhiên thấp hơn mức trung bình cả nước (dẫn chứng) 0,5 - Vùng có tỷ lệ gia tăng tự nhiên thấp nhất cả nước là Đồng bằng sông Hồng (dẫn chứng) 0,5 <p>* Giải thích:</p> <p>Những vùng có tỷ lệ gia tăng tự nhiên cao tập trung chủ yếu ở miền núi và trung du vì đây là địa bàn cư trú của các dân tộc ít người nên việc thực hiện chính sách dân số gặp nhiều khó khăn. 0,5</p>	
2	Những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển ngành thủy sản ở nước ta. Kể tên các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác thủy sản ở nước ta.	3,0
	<p>a) Những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển ngành thủy sản ở nước ta:</p> <p>* Thuận lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với ngành khai thác thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> + Khai thác thủy sản nước ngọt ở các sông, suối, ao, hồ 0,25 + Khai thác hải sản (nước lợ, nước mặn): Nước ta có nhiều bãi tôm, bãi cá, có 4 ngư trường lớn (Hải Phòng - Quảng Ninh; Ninh Thuận - Bình Thuận-Bà Rịa - Vũng Tàu; quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; Cà Mau - Kiên Giang) 0,25 - Đối với ngành nuôi trồng thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> + Nước ta có nhiều bãi triều, đầm phá, các dải rừng ngập mặn: thuận lợi nuôi trồng thủy sản nước lợ 0,25 + Các vùng biển ven các đảo, vũng, vịnh: thuận lợi nuôi thủy sản nước mặn 0,25 + Nước ta có nhiều sông, suối, ao, hồ có thể nuôi cá, tôm nước ngọt 0,25 	

	<p>* Khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên tai: biến động trong mùa mưa bão - Môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản bị suy giảm ở nhiều vùng - Cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn đầu tư,... <p>b) Kể tên các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác thủy sản ở nước ta: Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1,0</p>
3	Vẽ biểu đồ và nhận xét về tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1995 - 2011.	4,0
	<p>a) Vẽ biểu đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng biểu đồ: Trên 1 hệ trục tọa độ vẽ 3 đường biểu diễn: tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người - Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đầy đủ: Tên biểu đồ, chú thích, đơn vị (%) ở trục tung + Chính xác: Chính xác khoảng cách năm, tỉ lệ % các tiêu chí theo bảng số liệu <p>b) Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng dân số ở Đồng bằng sông Hồng: tăng liên tục qua các năm (dẫn chứng) - Tốc độ tăng sản lượng lương thực ở Đồng bằng sông Hồng: tăng qua các năm (dẫn chứng) - Nhìn chung, sản lượng lương thực có tốc độ tăng nhanh hơn tốc độ gia tăng dân số vì vậy bình quân lương thực theo đầu người cũng tăng (dẫn chứng) - Giai đoạn 2000 - 2011 tốc độ gia tăng dân số nhanh hơn tốc độ tăng trưởng sản lượng lương thực vì vậy bình quân lương thực theo đầu người có xu hướng giảm nhẹ (dẫn chứng) <p><i>Nếu học sinh nhận xét chung: Dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người có tốc độ tăng trưởng liên tục qua các năm và có dẫn chứng đầy đủ thì cho 1,5 điểm</i></p>	<p>2,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

----- HẾT -----